

Số: 13/QĐ-BQLKKT

Tây Ninh, ngày 13 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 18/09/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh v/v Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-STC-HCSN&CS ngày 08/01/2025 của Sở Tài chính về việc thẩm tra phân bổ dự toán năm 2025 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh.

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Giao dự toán thu, chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị thuộc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh, gồm:

1. Văn phòng Ban quản lý Khu kinh tế

a) Dự toán thu, chi phí lệ phí:

Tổng thu phí, lệ phí : **505.000.000 đồng**

Nộp NSNN : 505.000.000 đồng

b) Dự toán chi NSNN:

Tổng kinh phí sử dụng là : **27.567.000.000 đồng**

(Hai mươi bảy tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu đồng)

Trong đó: - Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ : 8.457.000.000 đồng.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 19.110.000.000 đồng.

(Theo phụ lục chi tiết đính kèm).

2. Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh

Dự toán thu, chi phí:

Tổng thu phí lệ phí : **244.068.000.000 đồng**

Nộp NSNN : 233.550.000.000 đồng.

Chi phí để lại : 10.518.000.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được giao năm 2025, các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ban, Trưởng các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Như điều 3 (t/h)
- Sở tài chính.
- KBNN tỉnh.
- Lưu VP.BQL (Minh Hiếu)

TRƯỞNG BAN



Trương Văn Hùng

PHỤ LỤC
BẢNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị : Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BQLKKT ngày /01/2025 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh)

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A. Thu chi ngân sách về phí, lệ phí	
1. Tổng số thu phí, lệ phí	244.573.000.000
- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	5.000.000
- Phí thẩm định DA ĐTXD, thiết kế cơ sở	500.000.000
- Phí sử dụng kết công trình cầu hạ tầng :	244.068.000.000
+ Cửa khẩu Mộc Bài	208.750.000.000
+ Cửa khẩu Xa Mát	33.365.000.000
+ Cửa khẩu Tân Nam	1.953.000.000
2. Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	10.518.000.000
- Phí sử dụng kết công trình cầu hạ tầng :	10.518.000.000
+ Cửa khẩu Mộc Bài(3%)	6.262.000.000
+ Cửa khẩu Xa Mát(11%)	3.670.000.000
+ Cửa khẩu Tân Nam(30%)	586.000.000
3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	234.055.000.000
B. Dự toán năm 2025	27.567.000.000
I. Dự toán chi ngân sách giao	27.567.000.000
Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ.	8.457.000.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ.	19.110.000.000
1. Quản lý hành chính	9.017.000.000
1.1 Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (340-341)	8.020.000.000
-KP ngân sách giao tự chủ (nguồn 13):	8.020.000.000
+ Chi quỹ lương (40 biên chế)	4.119.000.000
+ Chi hoạt động thường xuyên	1.125.000.000
+ Kinh phí đặc thù	45.000.000
+ Kinh phí hỗ trợ HĐLĐ 111 (4 HĐLĐ)	381.000.000

+ Kinh phí CCTL	2.350.000.000
1.2 Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ (340-341)	997.000.000
-KP ngân sách giao tự chủ (nguồn 12)	560.000.000
+ KP mua sắm sửa chữa	78.000.000
+ KP hoạt động kiểm tra chuyên ngành	72.000.000
+ KP hoạt động tổ chức cơ sở Đảng	120.000.000
+ KP QL chất lượng ISO	10.000.000
+ KP Phục vụ công tác thu lệ phí	198.000.000
+ KP Phục vụ hoạt động CCHC và KSTTHC	10.000.000
+ KP đối nội đối ngoại	72.000.000
- KP ngân sách giao tự chủ (nguồn 18)	437.000.000
+ Quỹ tiền thưởng	437.000.000
2. Sự nghiệp Kinh tế	18.500.000.000
- Sự nghiệp giao thông – Kinh phí bảo trì đường bộ (280-292)	8.000.000.000
- Kiến thiết thị chính – Kinh phí chi dịch vụ công ích khu kinh tế cửa khẩu quốc tế (280-312)	6.000.000.000
- Sự nghiệp kinh tế khác – Kinh phí quy hoạch (280-332)	4.500.000.000
3. Sự nghiệp Môi trường:	50.000.000
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cơ quan chuyên môn phê duyệt (250-278)	50.000.000